

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)

TỔNG
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ
TIN HỌC
VIỆT NAM

Digitally signed by TỔNG CÔNG
TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN
HỌC VIỆT NAM
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ
NỘI, CN=TỔNG CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC
VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0100103351
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.08.29
19:17:55
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.2.2

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	
Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	13 - 44

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Công ty

Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0100103351 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/12/2025.

Trụ sở chính

Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Khánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/06/2026
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Nguyễn Văn Đông	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10/06/2026
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/06/2026
Ông Đỗ Hoàng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Vũ Văn Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/01/2026
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Bà Trần Thu Huế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/01/2026
Bà Nguyễn Thị Minh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2026
Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/01/2026
	Thành viên	Từ ngày 12/01/2026
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/06/2026
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/01/2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Hậu	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Ngô Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Phạm Hà Duy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Tống Viết Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/07/2026
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2026
Ông Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/06/2026
Ông Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Ông Vũ Văn Hậu - Tổng Giám đốc.

Ông Đỗ Hoàng Hà - Phó Tổng Giám đốc được Ông Vũ Văn Hậu ủy quyền ký Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 theo Giấy ủy quyền số 153 UQ/ĐT-VP ngày 08/04/2026.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TM. Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Hoàng Hà

Số: 649/BCKT-TC/AVA.NV12

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 28/08/2026, từ trang 7 đến trang 44, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đề ngày 27/08/2025 trình bày Kết luận ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán với giá gốc 43,3 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 43,6 tỷ VND).
- Tại ngày 30/06/2025, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2,69 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 2,69 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, Kiểm toán viên tiền nhiệm chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có).

Các vấn đề nêu trên đã được Tổng Công ty xử lý tại báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 27/03/2026 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Bùi Quang Hợp

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 1796-2023-126-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		351.516.756.468	358.479.201.678
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.790.780.001	63.767.898.645
1. Tiền	111		8.790.780.001	46.767.898.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	17.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	230.483.453.151	38.842.726.027
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		230.483.453.151	38.842.726.027
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.729.078.630	238.728.632.329
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	91.142.936.584	259.298.195.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	25.421.751.906	16.052.381.773
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	21.030.993.012	24.600.624.440
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(56.866.602.872)	(61.222.569.848)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	22.572.199.798	17.093.494.174
1. Hàng tồn kho	141		22.572.199.798	17.093.494.174
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		3.941.244.888	46.450.503
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	868.001	1.320.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		3.895.246.384	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	45.130.503	45.130.503

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01a - DN**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026****(Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271.650.917.092	273.023.532.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120.245.200	120.245.200
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.5	120.245.200	120.245.200
II. Tài sản cố định	220		42.734.324.340	43.274.317.122
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	24.965.184.340	25.505.177.122
- Nguyên giá	222		58.934.526.415	58.901.910.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.969.342.075)	(33.396.733.573)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		621.809.578	621.809.578
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	621.809.578	621.809.578
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	228.016.775.674	228.983.170.982
1. Đầu tư vào công ty con	261		299.518.746.692	299.518.746.692
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		57.285.151.211	57.285.151.211
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(128.787.122.229)	(127.820.726.921)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		157.762.300	23.989.899
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8	157.762.300	23.989.899
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		623.167.673.560	631.502.734.459

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01a - DN**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026****(Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		69.445.560.235	86.228.877.570
I. Nợ ngắn hạn	310		68.525.560.235	85.308.877.570
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	24.162.068.096	54.349.109.043
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	32.840.393.671	12.132.328.163
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		2.463.231.417	2.502.197.417
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	156.800.496	166.854.006
5. Phải trả người lao động	315		2.674.544.871	2.724.922.052
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	47.800.000	47.800.000
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	86.300.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	6.173.528.912	5.292.174.117
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	-	8.000.000.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		7.192.772	7.192.772
II. Nợ dài hạn	330		920.000.000	920.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	V.16	920.000.000	920.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	553.722.113.325	545.273.856.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77.042.516.533	68.594.260.097
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		68.594.260.097	(50.340.279.869)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		8.448.256.436	118.934.539.966
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		623.167.673.560	631.502.734.459

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc


Lê Hữu Nghị

Vũ Văn Tuấn**Đỗ Hoàng Hà**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.711.871.221	55.413.317.603
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.711.871.221	55.413.317.603
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.236.668.376	50.358.913.297
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.475.202.845	5.054.404.306
6. Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	8.030.777.246	5.537.718.894
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	1.000.855.350	9.767.419.192
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		33.424.657	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	324.248.027	681.999.411
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.058.541.769	12.046.221.186
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.122.334.945	(11.903.516.589)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	6.552.487.734	112.195.263
13. Chi phí khác	32	VI.8	226.566.243	122.573.162
14. Lợi nhuận khác	40		6.325.921.491	(10.377.899)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.448.256.436	(11.913.894.488)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.448.256.436	(11.913.894.488)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghị



Vũ Văn Tuấn



Đỗ Hoàng Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.448.256.436	(11.913.894.488)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	572.608.502	565.136.991
- Các khoản dự phòng	03	(3.389.571.668)	9.638.685.144
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.035.385	15.883.324
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(7.997.676.845)	(5.537.718.894)
- Chi phí đi vay	06	33.424.657	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.331.923.533)	(7.231.907.923)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	161.413.414.017	5.752.020.691
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.478.705.624)	(39.940.338)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(8.744.351.335)	3.556.487.575
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(133.320.402)	25.544.540
- Chi phí đi vay đã trả	14	(33.424.657)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	144.691.688.466	2.062.204.545
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(32.615.720)	(49.363.636)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.403.809.995	5.537.718.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(186.628.805.725)	5.488.355.258

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.000.000.000)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.966.000)	(11.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.038.966.000)	(11.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(49.976.083.259)	7.539.559.803
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63.767.898.645	66.281.277.735
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.035.385)	3.399.690
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.790.780.001	73.824.237.228

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghị



Vũ Văn Tuấn



Đỗ Hoàng Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/12/2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty: 438.000.000.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 43.800.000 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV; - Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ - Thẩm định thiết kế xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Kiểm định xây dựng - Thử nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu.
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- Sản xuất hóa chất cơ bản (Doanh nghiệp cam kết không hoạt động tại trụ sở chính).
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác như: Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp. (Doanh nghiệp cam kết không hoạt động tại trụ sở chính).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh-truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện; -Xây dựng công trình: Đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW.
- Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác. Chi tiết: - Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước).
- Dịch vụ đóng gói.
- Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự. Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. (Không bao gồm kinh doanh bất động sản).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá).
- Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm và trừ hoạt động đấu giá).
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học. Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán bệnh có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn hóa chất.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ các loại Nhà nước cấm).
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Sản xuất đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có khung, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay; - Sản xuất bột mài, hạt mài tự nhiên hoặc nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo. Lắp đặt thiết bị y tế.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo. - Kinh doanh các thiết bị, sản phẩm linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Buôn bán trang thiết bị, dụng cụ y tế Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử-tự động hoá, điện máy gia dụng và chuyên dùng; - Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; - Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty.
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh quảng cáo, thông tin (trừ quảng cáo thuốc lá).
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Kinh doanh triển lãm.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng, lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc, các Công ty con và Công ty liên kết

Tại ngày 30/06/2026, Tổng Công ty có 01 Đơn vị hạch toán phụ thuộc, 06 Công ty con và 05 Công ty liên kết, cụ thể như sau:

Tên Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tình trạng hoạt động
Đơn vị hạch toán phụ thuộc						
Trường Cao đẳng công nghệ Viettronics	Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học				Đang hoạt động
Các Công ty con						
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	61,59%	61,59%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức	Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%	97,01%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	92,47%	92,47%	92,47%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa	Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	51,00%	51,00%	51,00%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%	51,00%	51,00%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	70,97%	70,97%	70,97%	Đang hoạt động

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tình trạng hoạt động
Công ty liên kết						
Công ty cổ phần Viettronimex	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%	42,16%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%	33,77%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%	28,52%	Đang hoạt động
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49,00%	49,00%	49,00%	Ngừng hoạt động
Công ty TNHH DM Vina	Xã Bình Tuyền, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	41,74%	41,74%	41,74%	Đang hoạt động

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30/06/2026, Tổng Công ty có 69 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2026, có 64 cán bộ nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/06 hàng năm.

Kỳ kế toán thường niên của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Thay đổi trong các chính sách kế toán và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 99 được áp dụng phi hồi tố. Thông tư 99 có thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính tổng hợp. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại thuyết minh số VIII.4 của thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các Đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư công nợ giữa các Đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công tác kế toán được tiến hành độc lập tại Văn phòng Tổng Công ty và Trường Cao đẳng công nghệ Viettronics.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ phù hợp với từng nghiệp vụ. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; riêng tiền gửi ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản. Các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi thì không đánh giá lại phần giá trị đã được trích lập dự phòng.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và khoản cho đơn vị khác vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tổng Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý và tài sản cố định hữu hình khác	02 - 05
Phần mềm máy tính	03

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập báo cáo tài chính, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Tổng Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tổng Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập báo cáo tài chính số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Tổng Công ty có giao dịch vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ là khoản doanh thu nhận trước, chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm về cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được các cổ đông phê duyệt tại đại hội cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi cho vay, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, thông báo chi trả cổ tức, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó, và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ, các khoản dự phòng đầu tư tài chính.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Tổng Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Tổng Công ty.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Lãi trên cổ phiếu được Tổng Công ty trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

23. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

24. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Tổng Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
Tiền mặt	569.406.692	209.079.341
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.221.373.309	46.558.819.304
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.267.122.566	44.224.261.120
- Các Ngân hàng khác	2.954.250.743	2.334.558.184
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	17.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	13.790.780.001	63.767.898.645

(i) Các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất 4,75%/năm (tại ngày 01/01/2026 lãi suất từ 2,4%/năm đến 4,75%/năm).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản mục	30/06/2026			Đơn vị tính: VND		
	01/01/2026			(Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	230.483.453.151	230.483.453.151	-	38.842.726.027	38.842.726.027	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	44.700.000.000	44.700.000.000	-	38.700.000.000	38.700.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	44.700.000.000	44.700.000.000	-	38.700.000.000	38.700.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	184.000.000.000	184.000.000.000	-	-	-	-
- Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại Thế Hệ Mới (ii)	184.000.000.000	184.000.000.000	-	-	-	-
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	1.783.453.151	1.783.453.151	-	142.726.027	142.726.027	-
Cộng	230.483.453.151	230.483.453.151	-	38.842.726.027	38.842.726.027	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 7 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 01/01/2026 lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,69%/năm). Tại ngày 30/06/2026, Tổng Công ty đã sử dụng một số hợp đồng tiền gửi ngắn hạn với số tiền là 38.700.000.000 VND để đảm bảo cho bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

(ii) Cho Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại Thế Hệ Mới vay theo hợp đồng vay vốn số 1102/2026/HĐVV/VIETTRONICS-THM ngày 11/02/2026 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2026/PLHD ngày 12/06/2026. Số tiền cho vay là 190.000.000.000 VND, số tiền thực tế đã giải ngân đến ngày 30/06/2026 là 184.000.000.000 VND. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay đến ngày 31/12/2026, lãi suất cho vay là 6,7%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bằng 20.477.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Sơn do Bà Trần Kim Khánh sở hữu theo Thỏa thuận tài sản đảm bảo ký ngày 11/02/2026.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn	30/06/2026				01/01/2026	
Khoản mục	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	299.518.746.692	204.955.558.753	(94.563.187.939)	299.518.746.692	205.782.876.915	(93.735.869.777)
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	133.226.370.342	133.226.370.342	-	133.226.370.342	133.226.370.342	-
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức	75.462.731.429	15.094.132.898	(60.368.598.531)	75.462.731.429	15.628.525.936	(59.834.205.493)
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	27.557.000.000	-	(27.557.000.000)	27.557.000.000	-	(27.557.000.000)
Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa	15.198.723.728	15.198.723.728	-	15.198.723.728	15.198.723.728	-
Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa	35.073.921.193	35.073.921.193	-	35.073.921.193	35.073.921.193	-
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	13.000.000.000	6.362.410.592	(6.637.589.408)	13.000.000.000	6.655.335.716	(6.344.664.284)
Đầu tư vào Công ty liên kết	57.285.151.211	23.061.216.921	(34.223.934.290)	57.285.151.211	23.200.294.067	(34.084.857.144)
Công ty cổ phần Viettronimex	13.987.729.333	13.987.729.333	-	13.987.729.333	13.987.729.333	-
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	2.278.518.130	2.278.518.130	-	2.278.518.130	2.278.518.130	-
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	895.348.195	-	895.348.195	895.348.195	-
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	1.276.595.137	-	(1.276.595.137)	1.276.595.137	-	(1.276.595.137)
Công ty TNHH DM Vina	38.846.960.416	5.899.621.263	(32.947.339.153)	38.846.960.416	6.038.698.409	(32.808.262.007)
Cộng	356.803.897.903	228.016.775.674	(128.787.122.229)	356.803.897.903	228.983.170.982	(127.820.726.921)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản mục	30/06/2026			Đơn vị tính: VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	01/01/2026
Các bên khác	91.142.936.584	(48.266.148.349)	259.274.522.259	(51.069.480.165)	
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	(22.176.666.534)	22.176.666.534	(22.176.666.534)	
Công ty cổ phần AKA Việt Nam	19.713.690.714	(19.713.690.714)	20.263.690.714	(20.263.690.714)	
Công ty TNHH Công nghệ thông tin và truyền thông GTEL	306.953.280	-	12.773.211.222	-	
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ kỹ thuật Chấn Hưng	23.951.236.218	-	23.230.273.588	-	
Công ty cổ phần GLC Vina	-	-	137.088.000.000	-	
Các khách hàng khác	24.994.389.838	(6.375.791.101)	43.742.680.201	(8.629.122.917)	
Bên liên quan	-	-	23.673.705	-	
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	-	-	23.673.705	-	
Cộng	91.142.936.584	(48.266.148.349)	259.298.195.964	(51.069.480.165)	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	30/06/2026	01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ
Các bên khác	20.296.461.906	(5.048.113.800)	16.052.381.773
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000
Công ty TNHH Xpad	7.143.488.534	-	9.860.069.072
Công ty TNHH Giải pháp và dịch vụ Ais Việt Nam	4.296.100.810	-	-
Các nhà cung cấp khác	4.002.521.562	(193.762.800)	1.337.961.701
Bên liên quan	5.125.290.000	-	-
Công ty TNHH Phát triển Cosmo	5.000.000.000	-	-
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức	125.290.000	-	-
Cộng	25.421.751.906	(5.048.113.800)	16.052.381.773
			(4.926.851.000)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Phải thu khác

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	30/06/2026	01/01/2026	(Trình bày lại)
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	21.030.993.012	(3.552.340.723)	24.600.624.440
Các bên khác	18.212.374.329	(2.503.646.877)	14.540.096.051
Tạm ứng	9.948.781.588	-	9.337.219.174
Phải thu khác	8.263.592.741	(2.503.646.877)	5.202.876.877
Bên liên quan	2.818.618.683	(1.048.693.846)	10.060.528.389
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.048.693.846	(1.048.693.846)	8.290.603.552
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	1.539.427.889	-	1.539.427.889
Công ty TNHH DM Vina	230.496.948	-	230.496.948
Dài hạn	120.245.200	-	120.245.200
Ký quỹ	24.000.000	-	24.000.000
Phải thu khác	96.245.200	-	96.245.200
Cộng	21.151.238.212	(3.552.340.723)	24.720.869.640
			(5.226.238.683)

102
C
KIẾ
TH
VIỆ
/EN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2026		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	01/01/2026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	48.740.432.443	474.284.094		
Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty cổ phần AKA Việt Nam	19.713.690.714	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	4.050.075.195	474.284.094	Từ 2 năm đến trên 3 năm	Từ 2 năm đến trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.048.113.800	-		
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Các nhà cung cấp khác	193.762.800	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Phải thu ngắn hạn khác	3.552.340.723	-		
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.048.693.846	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Các khoản phải thu khác	395.649.304	-	Trên 3 năm	Trên 3 năm
Cộng	57.340.886.966	474.284.094	61.341.424.760	118.854.912

Tổng giá trị dự phòng đã trích lập

(56.866.602.872)	(61.222.569.848)
------------------	------------------

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.572.199.798	-	17.039.374.174	-
Hàng hóa	-	-	54.120.000	-
Cộng	22.572.199.798	-	17.093.494.174	-

8. Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn	868.001	1.320.000
Công cụ, dụng cụ	868.001	1.320.000
Dài hạn	157.762.300	23.989.899
Công cụ, dụng cụ	151.139.430	23.989.899
Các khoản khác	6.622.870	-
Cộng	158.630.301	25.309.899

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
Số dư cuối kỳ	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	340.090.400	340.090.400
Số dư cuối kỳ	-	340.090.400	340.090.400
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	17.769.140.000	-	17.769.140.000
Tại ngày cuối kỳ	17.769.140.000	-	17.769.140.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 340.090.400 VND (tại ngày 01/01/2026 là 340.090.400 VND).

Danh mục tài sản cố định vô hình

	30/06/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng khu đất tại số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	7.233.840.000	7.233.840.000
Quyền sử dụng khu đất tại số 29F Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	6.264.000.000	6.264.000.000
Quyền sử dụng khu đất tại số 118 Cát Bi, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	4.271.300.000	4.271.300.000
Các tài sản cố định vô hình khác	340.090.400	-
Cộng	18.109.230.400	17.769.140.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND	
							Cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	51.003.504.588	967.636.395	6.322.355.756	518.413.956	90.000.000	58.901.910.695	
Số tăng trong kỳ	-	-	-	32.615.720	-	32.615.720	
- Mua trong kỳ	-	-	-	32.615.720	-	32.615.720	
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	51.003.504.588	967.636.395	6.322.355.756	551.029.676	90.000.000	58.934.526.415	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	25.651.970.422	916.156.066	6.322.355.756	480.751.329	25.500.000	33.396.733.573	
Số tăng trong kỳ	541.806.054	10.857.200	-	10.945.248	9.000.000	572.608.502	
- Khấu hao trong kỳ	541.806.054	10.857.200	-	10.945.248	9.000.000	572.608.502	
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	26.193.776.476	927.013.266	6.322.355.756	491.696.577	34.500.000	33.969.342.075	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	25.351.534.166	51.480.329	-	37.662.627	64.500.000	25.505.177.122	
Tại ngày cuối kỳ	24.809.728.112	40.623.129	-	59.333.099	55.500.000	24.965.184.340	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 19.532.801.170 VND (tại ngày 01/01/2026 là 19.532.801.170 VND).

Tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu

	30/06/2026		01/01/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Sàn Văn phòng Tầng 11 Mipeco Tower, số 229 Tây Sơn	31.725.484.545	22.406.123.526	31.725.484.545	22.802.692.080
Các tài sản cố định hữu hình khác	27.209.041.870	2.559.060.814	27.176.426.150	2.702.485.042
Cộng	58.934.526.415	24.965.184.340	58.901.910.695	25.505.177.122

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công trình Trường Cao đẳng nghề Viettronics	621.809.578	621.809.578	621.809.578	621.809.578
Cộng	621.809.578	621.809.578	621.809.578	621.809.578

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Các bên khác	23.130.557.104	47.863.968.808
Công ty cổ phần Kỹ thương O&C	7.532.500.081	7.850.148.074
Công ty cổ phần Tiết kiệm năng lượng ESE Corp	6.591.083.832	6.591.083.832
Công ty cổ phần Công nghệ thông minh Tiến Phát	291.605.616	7.296.917.300
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Tekscor	2.497.136.040	7.553.065.800
Các nhà cung cấp khác	6.218.231.535	18.572.753.802
Bên liên quan	1.031.510.992	6.485.140.235
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	-	5.596.836.351
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	143.207.108	-
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	888.303.884	888.303.884
Cộng	24.162.068.096	54.349.109.043

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Các bên khác	21.519.067.883	12.132.328.163
Công ty cổ phần Kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	20.091.890.697	10.705.150.977
Các khách hàng khác	1.427.177.186	1.427.177.186
Bên liên quan	11.321.325.788	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình	11.186.559.608	-
Tập đoàn Geleximco - CTCP	134.766.180	-
Cộng	32.840.393.671	12.132.328.163

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND						
Khoản mục	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Số phải nộp	01/01/2026 Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	15.726.855	-	69.272.571	194.656.418	141.110.702	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	45.130.503	-	-	-	45.130.503
Thuế thu nhập cá nhân	141.073.641	-	370.208.847	254.878.510	25.743.304	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	933.666.341	933.666.341	-	-
Cộng	156.800.496	45.130.503	1.373.147.759	1.383.201.269	166.854.006	45.130.503

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

15. Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
Ngắn hạn	47.800.000	47.800.000
Chi phí khác	47.800.000	47.800.000
Cộng	47.800.000	47.800.000

16. Phải trả khác

	30/06/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
Ngắn hạn	6.173.528.912	5.292.174.117
Kinh phí công đoàn	145.953.572	99.358.391
Nhận ký quỹ	250.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.777.575.340	5.192.815.726
Dài hạn	920.000.000	920.000.000
Nhận ký quỹ	920.000.000	920.000.000
Cộng	7.093.528.912	6.212.174.117

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026	Tăng	Giảm	01/01/2026
Ngắn hạn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP				
Đầu tư và Phát triển Việt	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Nam - CN SGD III (i)				

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch III theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/324800/HĐTD ngày 30/06/2025, hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2026, biện pháp đảm bảo quy định cụ thể tại hợp đồng tín dụng. Đến ngày 30/06/2026, Tổng Công ty đã tất toán hết khoản vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Cộng
Số dư đầu năm trước	438.000.000.000	38.679.596.792	(50.340.279.869)	426.339.316.923	
Lãi trong năm trước	-	-	118.934.539.966	118.934.539.966	
Số dư đầu năm nay	438.000.000.000	38.679.596.792	68.594.260.097	545.273.856.889	
Lãi trong kỳ	-	-	8.448.256.436	8.448.256.436	
Số dư cuối kỳ	438.000.000.000	38.679.596.792	77.042.516.533	553.722.113.325	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tập đoàn Geleximco - CTCP	385.297.500.000	88,0%	385.297.500.000	88,0%
Các cổ đông khác	52.702.500.000	12,0%	52.702.500.000	12,0%
Cộng	438.000.000.000	100,0%	438.000.000.000	100,0%

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Ngoại tệ các loại	30/06/2026	01/01/2026
- Đô la Mỹ (USD)	2.388,53	2.426,94
- Euro (EUR)	455,91	466,05

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Doanh thu bán hàng, lắp đặt	26.697.399.667	50.652.153.644
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.014.471.554	4.761.163.959
Cộng	32.711.871.221	55.413.317.603

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Giá vốn bán hàng, lắp đặt	25.616.727.231	49.497.007.689
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.619.941.145	861.905.608
Cộng	27.236.668.376	50.358.913.297

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.833.342.246	479.294.894
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.197.435.000	5.058.424.000
Cộng	8.030.777.246	5.537.718.894

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí đi vay	33.424.657	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.035.385	128.734.048
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	966.395.308	9.638.685.144
Cộng	1.000.855.350	9.767.419.192

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí khác	324.248.027	681.999.411
Cộng	324.248.027	681.999.411

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nhân viên	7.901.263.890	6.199.272.163
Chi phí khác	2.157.277.879	5.846.949.023
Cộng	10.058.541.769	12.046.221.186

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Tiền thuế giá trị gia tăng, tiền phạt thuế được hoàn lại	6.551.236.532	-
Thu nhập khác	1.251.202	112.195.263
Cộng	6.552.487.734	112.195.263

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí khác	226.566.243	122.573.162
Cộng	226.566.243	122.573.162

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.448.256.436	(11.913.894.488)
Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(2.366.171.331)	(5.058.424.000)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.082.085.105	(16.972.318.488)
Chuyển lỗ những năm trước	(6.082.085.105)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(16.972.318.488)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.053.991.119	49.123.128.099
Chi phí nhân công	7.901.263.890	5.762.293.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	572.608.502	400.042.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.120.474	615.893.583
Chi phí khác bằng tiền	3.475.299.811	5.950.301.363
Cộng	43.152.283.796	61.851.658.336

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	30/06/2026	01/01/2026
Lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay nhưng chưa thu	1.783.453.151	142.726.027
Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu nhưng chưa trả	2.463.231.417	2.502.197.417

VIII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Geleximco - CTCP	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức	Công ty con
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con
Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa	Công ty con
Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con
Công ty cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp Thái Bình	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Nhiệt điện Thăng Long	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Quốc tế Vigeba	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Ô tô GEL-O&J	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Giấy An Hòa	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty cổ phần Thiết bị khí tượng thủy văn và môi trường Việt Nam	Công ty liên quan của người nội bộ
Các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan của Tập đoàn Geleximco - CTCP	Ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:****Doanh thu bán hàng, dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình	1.123.036.200	-
Cộng	1.123.036.200	-

Mua hàng, dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	4.215.849.177	-
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.034.662.850	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	181.933.334	-
Cộng	6.432.445.361	-

Cổ tức được chia

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	-	2.661.984.000
Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa	1.530.000.000	1.224.000.000
Công ty cổ phần Viettronimex	543.445.000	1.086.890.000
Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	123.990.000	-
Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	-	85.550.000
Cộng	2.197.435.000	5.058.424.000

Các giao dịch khác

Ngày 11/02/2026, Bà Trần Kim Khánh - Thành viên Hội đồng quản trị (nay là Chủ tịch Hội đồng quản trị) đã dùng 20.477.500 cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Sơn do Bà Trần Kim Khánh sở hữu để đảm bảo khoản cho Công ty cổ phần Dịch vụ và Thương mại Thế Hệ Mới vay theo hợp đồng vay vốn số 1102/2026/HĐVV/VIETTRONICS-THM ngày 11/02/2026 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2026/PLHĐ ngày 12/06/2026 (thuyết minh số V.2).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**Lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Bà Trần Kim Khánh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	150.000.000	-
Ông Lê Thanh Tuấn	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Đông	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	225.048.000	185.898.000
Ông Vũ Hải Vĩnh	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	192.318.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị	-	18.000.000
Ông Vũ Văn Hậu	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	300.048.000	-
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	200.160.000	175.512.000
Ông Đỗ Hoàng Hà	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	124.200.000	-
Ông Trần Nam Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	120.000.000	-
Ông Ngô Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-
Ông Phạm Hà Duy	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	116.310.909	-
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	101.244.000	159.566.000
Ông Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng Ban kiểm soát	120.000.000	-
Bà Trần Thu Huế	Thành viên kiểm soát	60.000.000	-
Bà Vũ Hoài Anh	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	40.000.000	174.752.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Nguyên Thành viên kiểm soát	-	18.000.000
Ông Phạm Trung Hoàng	Nguyên Thành viên kiểm soát	-	18.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	-	169.726.572
Ông Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	184.080.000	-
Cộng		1.861.090.909	1.183.772.572

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026	01/01/2026
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

3. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tổng Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm hoạt động bán hàng, lắp đặt và hoạt động cung cấp dịch vụ. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Hoạt động bán hàng, lắp đặt	26.697.399.667	50.652.153.644
Hoạt động cung cấp dịch vụ	6.014.471.554	4.761.163.959
Cộng	32.711.871.221	55.413.317.603

Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Hoạt động bán hàng, lắp đặt	25.616.727.231	49.497.007.689
Hoạt động cung cấp dịch vụ	1.619.941.145	861.905.608
Cộng	27.236.668.376	50.358.913.297

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Hoạt động bán hàng, lắp đặt	1.080.672.436	1.155.145.955
Hoạt động cung cấp dịch vụ	4.394.530.409	3.899.258.351
Cộng	5.475.202.845	5.054.404.306

Theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đều phát sinh tại Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp

Chỉ tiêu	31/12/2025			31/12/2025
	Mã số	Số đã trình bày	Trình bày lại	Số được trình bày lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	38.700.000.000	142.726.027	38.842.726.027
Phải thu ngắn hạn khác	135	-	24.600.624.440	24.600.624.440
Phải thu ngắn hạn khác	136	24.743.350.467	(24.743.350.467)	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	2.502.197.417	2.502.197.417
Phải trả ngắn hạn khác	319	7.794.371.534	(7.794.371.534)	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	-	5.292.174.117	5.292.174.117

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Lê Hữu Nghị

Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Hoàng Hà